

Bản án số: 35/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 10 tháng 7 năm 2019
V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Hiền
2. Ông Phùng Văn Tàu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa là Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2019/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978.

Đăng ký hộ khẩu thường trú : Số nhà 1, gác 7, ngõ 7, tổ 11, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội

Hiện cư trú tại: Số nhà 31, đường H, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Bi đơn: Anh Nguyễn Đăng U, sinh năm 1975

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Số nhà 1, gác 7, ngõ 7, tổ 11, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2018 và bản tự khai ngày 11 tháng 3 năm 2019 cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Đăng U chung sống với nhau từ năm 2000

trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là phường Phú Lương, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) ngày 07/12/2000. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là số nhà 1, ngách 7, ngõ 7, tổ 11, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội). Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh U không có tôn trọng chị và anh U không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau. Sự việc này gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần cho anh, chị nhưng không có kết quả anh U vẫn không thay đổi cách sống. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị và anh U đã sống ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh U.

Về con chung: Chị L xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đăng Thành Th (nam), sinh ngày 15/11/2001 và Nguyễn Đăng T (nam), sinh ngày 20/9/2004. Hiện nay 02 cháu vẫn đang sống cùng anh U. Ly hôn chị L đồng ý để cho anh U là người trực tiếp nuôi 02 con chung vì hiện nay chị L chưa có chỗ ở và công ăn việc làm không ổn định . Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi cháu 1.000.000 đồng)

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị L xác nhận vợ chồng không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị L xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh U, nhưng anh U không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự. Qua xác minh ý kiến của đại diện tổ dân phố nơi anh U cư trú thể hiện: Trong quá trình chị L, anh U chung sống tại tổ dân phố thì chị L và anh U có xảy ra mâu thuẫn gì không thì tổ dân phố không nắm được, nhưng hiện tại chị L không còn chung sống cùng anh U từ khoảng tháng 5 năm 2017 cho đến nay.

Do anh U không đến Tòa nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh U cũng như không hòa giải cho anh, chị đoàn tụ được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị L giữ nguyên các yêu cầu nêu trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án ngày hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh U. Về con chung: Xác nhận chị L và anh U có 02 con chung là Nguyễn Đăng Thành Th (nam), sinh ngày 15/11/2001 và Nguyễn Đăng T (nam), sinh ngày 20/9/2004. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L đồng ý để anh U là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Đăng Thành Th và Nguyễn Đăng T. Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi cháu 1.000.000 đồng) Về tài sản chung, công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tòa án tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập anh U đến Tòa để giải quyết vụ án, anh U đã nhận được thông báo thụ lý vụ án cũng như giấy triệu tập của Tòa án, nhưng anh U không đến Tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh U đã được Tòa án tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham phiên tòa, thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng tại phiên tòa nhưng anh U vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 207 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh U.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn là anh Nguyễn Đăng U có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại số nhà 1, ngách 7, ngõ 7, tổ 11, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội. Nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Hà Đông thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[1]. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đăng U xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Lương, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay là phường Phú Lương, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) chứng nhận kết hôn ngày 07 tháng 12 năm 2000. Hôn nhân của chị L, anh U là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị L và ý kiến của đại diện tổ dân phố nơi chị L và anh U sinh sống đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống chị L, anh U đã xảy ra mâu thuẫn và anh, chị đã sống ly thân nhau từ nhiều năm nay, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án anh U đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh U không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho chị L, anh U đoàn tụ được. Việc anh U không đến Tòa án để tham gia hòa giải thể hiện anh không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình thì: “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...” mà theo lời khai của chị L và xác nhận của đại diện tổ dân phố thì chị L và anh U không sống chung với nhau từ nhiều năm nay. Vì vậy việc chị L xin ly hôn anh U là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. **Về con chung:** Chị L xác nhận chị và anh U có 02 con chung là Nguyễn Đăng Thành Th (nam), sinh ngày 15/11/2001 và Nguyễn Đăng T (nam), sinh ngày 20/9/2004, hiện nay cả hai cháu đang sống cùng anh U. Ly hôn chị L đồng ý để anh U là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu vì hiện nay chị chưa có công ăn việc làm và chỗ ở ổn định, chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (mỗi cháu 1.000.000 đồng). Xét yêu cầu của chị L Hội đồng xét xử thấy: Giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, kể từ khi ly thân đến nay các con của chị L, anh U vẫn ở chung cùng anh U và các cháu cũng có nguyện vọng được ở với anh U trong trường hợp nếu chị L, anh U ly hôn. Nên căn cứ vào Điều 81 luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Đăng Thành Th và Nguyễn Đăng T cho anh U là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và ghi nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (mỗi cháu 1.000.000 đồng).

[3]. **Về tài sản chung** (động sản và bất động sản): Chị L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh U chứng minh vợ chồng có tài sản

chung và có yêu cầu giải quyết thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4]. **Về nợ:** Chị L xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh U chứng minh vợ chồng có công nợ chung và có yêu cầu giải quyết thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5]. **Về án phí:** Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông phát biểu và đề xuất hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Từ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81,82,83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Luật số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014.

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; 147; Điều 207; khoản 2 Điều 227; các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Nguyễn Đăng U.

Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đăng U.

2.Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đăng U có 02 con chung là Nguyễn Đăng Thành Th (nam), sinh ngày 15/11/2001 và Nguyễn Đăng T (nam), sinh ngày 20/9/2004. Giao cho anh U là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Đăng Thành Th và cháu Nguyễn Đăng T. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (mỗi cháu 1.000.000 đồng). Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện kể từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi các cháu Nguyễn Đăng Thành Th và Nguyễn Đăng T trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị L xác nhận không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh U chứng minh vợ chồng có tài sản chung và có yêu cầu giải quyết thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về nợ: Chị L xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh U chứng minh vợ chồng có công nợ chung và có yêu cầu giải quyết thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị L đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002365 ngày 21/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông. Chị L còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị L, vắng mặt anh U. Chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh U được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THA quận Hà Đông;
- Các đương sự;
- UBND phường Phú Lương, quận Hà Đông, TP Hà Nội;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Thủy